

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2017/ HNGĐ-ST

Ngày 22 - 6 - 2017

V/v: *Không công nhận là vợ chồng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* ông Tòng Văn Quân;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. ông Đoàn Thanh Giồng;
2. ông Đỗ Công Chúng;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Lý A Đà- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải: bà Vũ Thị Tình- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2017 về việc: Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Vàng Thị N**- Sinh năm 1982; trú tại: Bản D, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái; chỗ ở hiện nay bản M, xã P, huyện M, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. *Bị đơn:* anh **Giàng A M** sinh năm 1982; trú tại: Bản D, xã L, huyện M, tỉnh Yên Bái; hiện nay đang chấp hành án tại đội 4, phân trại 1, trại giam H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người phiên dịch: ông Thảo A Dờ- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2017 và biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 5 năm 2017, nguyên đơn là chị Vàng Thị N trình bày: chị và anh Giàng A M chung sống như vợ chồng từ năm 2004, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống mới đầu là hạnh phúc, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh Giàng A M không chịu làm ăn, mà còn nghiện chất ma túy, đi lang thang, trộm cắp, bán hết ruộng nương của gia đình, không chăm lo cuộc sống cho vợ con; khi xảy ra mâu thuẫn chị Vàng Thị N và anh Giàng A M đã được hai bên gia

đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng anh M vẫn cứng nỏi, tấ
ấy không thay đổi. Mặc dù đã bị xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản 18 tháng tù nhưng
anh M vẫn không sửa chữa, đến năm 2012 anh M lại phạm tội mua bán trái phép chất
ma túy và bị xử phạt 16 năm tù. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn chị Vàng Thị
N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Giàng A M.

Về con chung: Chị Vàng Thị N và anh Giàng A M có 02 con chung là Giàng
Thị Ng- sinh ngày 10/7/2005 và Giàng Thị X- sinh ngày 28/9/2007. Chị N xin được
trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh Mang cấp dưỡng nuôi
con.

Tài sản chung không có gì đáng giá nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2017 của bị đơn là anh Giàng A M thừa
nhận quan hệ hôn nhân giữa anh với chị Vàng Thị N không đăng ký kết hôn. Chung
sống như vợ chồng từ năm 2004, trong quá trình chung sống mới đầu nói chung là
hạnh phúc, đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh
Giàng A M nghiện ma túy, trộm cắp tài sản và bán hết tài sản trong gia đình. Khi mâu
thuẫn xảy ra vợ chồng anh M và chị N đã được hai bên gia đình và chính quyền địa
phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, năm 2010 anh M bị bắt về tội trộm cắp
tài sản, bị xử phạt 18 tháng tù, sau khi ra tù đến năm 2012 anh M bị bắt về tội mua
bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt 16 năm tù. Nay chị N làm đơn xin ly hôn, anh
M nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của chị N.

Về con chung: anh Giàng A M khai như chị N là có 02 con chung là Giàng Thị
Ng- sinh ngày 10/7/2005 và Giàng Thị X- sinh ngày 28/9/2007. Do điều kiện đang
chấp hành án nên nhất trí cho chị N xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tài sản chung không có gì đáng giá nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố
tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định.
Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong việc tham gia tố tụng. Bị
đơn đang chấp hành hình phạt tù và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về quan điểm
giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận chị Vàng Thị N và anh
Giàng A M là vợ chồng và giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng
của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa
và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về tố tụng: Bị đơn anh Giàng A M hiện đang chấp hành hình phạt tù tại
Trại giam Hồng Ca, Tổng cục VIII, Bộ Công an nên không thể tham gia phiên tòa;
anh M đó cú đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1
Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị N và anh Giàng A M chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không đăng ký kết hôn. Anh M, chị N có 02 con chung tên là Giàng Thị Ng- sinh ngày 10/7/2005 và Giàng Thị X- sinh ngày 28/9/2007. Những tình tiết trên các đương sự khai thống nhất nên Toà án căn cứ Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự kết luận đó là sự thực. Quá trình chung sống chị N và anh M phát sinh mâu thuẫn và chị N có yêu cầu ly hôn, và anh M cũng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên do quan hệ hôn nhân của hai anh M và chị N là không hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; chị N và anh M là người có đủ điều kiện kết hôn, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình không công nhận chị Vàng Thị N và anh Giàng A M là vợ chồng.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa cũng như tại biên bản lấy lời khai chị Vàng Thị N vào ngày 08/5/2017; biên bản lấy lời khai anh Giàng A M ngày 18/5/2017 chị N và anh M khai thống nhất có 02 con chung là Giàng Thị Ng- sinh ngày 10/7/2005 và Giàng Thị X- sinh ngày 28/9/2007 và giao cho chị N trực tiếp nuôi con chung. Lời trình bày tại phiên tòa, biên bản lấy lời khai của chị N và anh M hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Mặt khác anh Giàng A M đang chấp hành án phạt tù nên không có khả năng, điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung do đó việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: chị N và anh M khai thống nhất là không có gì đáng giá nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Các đương sự là hộ nghèo, cận nghèo; là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên cần miễn án phí cho các đương sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận chị Vàng Thị N và anh Giàng A M là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho chị Vàng Thị N được trực tiếp nuôi con chung là cháu Giàng Thị Ng- sinh ngày 10/7/2005 và cháu Giàng Thị X- sinh ngày 28/9/2007. Anh Giàng A M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

4/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Vàng Thị N được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Giàng A M vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thời người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Mù Cang Chải;
- Chi cục THADS Mù Cang Chải;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: HS (2); TA; tiểu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Tòng Văn Quân